

Vài nét về nghiên cứu lịch đại trong xã hội học thực nghiệm

VŨ MẠNH LỢI

NGUYỄN HỮU MINH

Có nhiều cách để phân loại các nghiên cứu xã hội học. Các nghiên cứu xã hội học có thể được phân loại theo mức độ trừu tượng hóa (những nghiên cứu lý thuyết và những nghiên cứu thực nghiệm); chúng cũng có thể được phân loại theo diện bao trùm và theo đơn vị phân tích (những nghiên cứu vĩ mô và những nghiên cứu vi mô); hoặc chúng được phân loại theo đặc tính của thông tin thu thập được (những nghiên cứu định tính và những nghiên cứu định lượng), v.v... Một trong những cách phân loại như vậy là dựa vào đặc tính so sánh theo chiều cạnh thời gian- không gian. Nói theo ý nghĩa rộng của khái niệm thì những nghiên cứu bao gồm việc thu thập và phân tích thông tin *theo thời gian* được gọi là nghiên cứu lịch đại¹ và những nghiên cứu chỉ dựa trên những thông tin thu thập *về một thời điểm*, hay trong một khoảng thời gian ngắn, được gọi là những nghiên cứu đồng đại². Những nghiên cứu đồng đại còn được gọi là những nghiên cứu theo không gian vì khi đó thời gian không còn là một biến số nữa.

Cũng như nhiều sự phân loại có tính tương phản nhau khác trong khoa học xã hội sự phân biệt giữa nghiên cứu lịch đại với nghiên cứu theo không gian chỉ là tương đối. Người ta vẫn còn chưa có và có lẽ không thể có được, một quan niệm thống nhất về ranh giới giữa hai kiểu nghiên cứu này. Trong một nghiên cứu thông thường có tên là nghiên cứu lịch đại người ta cũng thu thập rất nhiều thông tin cho phép có sự so sánh theo không gian. Đồng thời, nhiều nghiên cứu theo không gian cũng bao hàm những yếu tố lịch đại (như thông tin lấy từ những câu hỏi về quá khứ). Ở dạng thuần túy nhất những nghiên cứu theo không gian chỉ thu thập số liệu một lần về khách thể được nghiên cứu (người được hỏi, các nhóm người...), và những số liệu thu thập được đó cũng là những số liệu phân lớn³ chỉ có giá trị tại một thời điểm nào đó về các khía cạnh khác nhau của khách thể được nghiên cứu.

¹ Tiếng Anh là *longitudinal research*. Chúng tôi sẽ chú thích các thuật ngữ tương ứng bằng tiếng Anh trong bài này nhằm giúp bạn đọc tiện theo dõi khi tham khảo các tài liệu bằng tiếng Anh.

² Tiếng Anh là *cross-sectional research*. "Đồng đại" và "lịch đại" là hai thuật ngữ quen thuộc đã lâu trong giới khoa học xã hội. Tuy nhiên, trong khi thuật ngữ "lịch đại" phản ánh đúng thực chất và trọng tâm của nghiên cứu theo thời gian thì thuật ngữ "đồng đại" lại có thể gây ra sự khó hiểu. Vấn đề là ở chỗ thuật ngữ "đồng đại" nhấn mạnh đến sự tương phản với kiểu nghiên cứu lịch đại về yếu tố thời gian nhưng lại không lột tả được trọng tâm của các nghiên cứu "đồng đại" là so sánh và đối chiếu *theo không gian*. Do đó, thuật ngữ "đồng đại" chỉ rõ nghĩa khi được đặt cạnh thuật ngữ "lịch đại". Khi chỉ đứng một mình thuật ngữ "đồng đại" có thể làm cho người ta không đánh giá hết được rằng trọng tâm của cuộc nghiên cứu đó là ở chỗ *so sánh theo không gian* chứ không phải ở tính chất nhất thời (tại một thời điểm) của các thông tin và sự phân tích. Do đó, trong bài này từ điểm này tự đi chúng tôi sẽ dùng thuật ngữ "nghiên cứu theo không gian" thay cho "nghiên cứu đồng đại". Việc sửa đổi này còn nhằm giúp cho bạn đọc có tham khảo các tài liệu tiếng Anh tiện theo dõi hơn vì "nghiên cứu theo không gian" phản ánh đúng hợp cụm từ tiếng Anh "cross-sectional research".

³ Có thể có nhiều thông tin về đối tượng được nghiên cứu có giá trị bất biến (hoặc biến đổi tuần tự) trong một khoảng thời gian dài, như thông tin về giới tính, tuổi, học vấn ở những người trung niên hoặc người già v.v...

Chẳng hạn chúng ta có thể nghiên cứu sở thích chọn ngành học của các em học sinh dự thi vào đại học năm 1995 bằng cách phỏng vấn một lần toàn bộ, hoặc một mẫu đại diện, các em học sinh dự thi *đại học trong năm đó*. Tùy theo mô hình giải thích có tính chất lý thuyết về việc chọn lựa ngành học của học sinh, chúng ta có thể phỏng vấn để lấy thông tin về ngành học mà em học sinh được hỏi đã chọn (biến số phụ thuộc) cùng với một loạt các biến số độc lập khác như giới tính và tuổi của người được hỏi, thu nhập trung bình hàng tháng của gia đình trong năm đó, nơi ở là thành thị hay nông thôn trong năm đó, nghề nghiệp và học vấn của bố mẹ trong năm đó v.v... Với những thông tin này, chúng ta có thể so sánh, đối chiếu sự khác nhau trong việc chọn ngành học của em học sinh này với em học sinh khác. Hoặc chúng ta cũng có thể so sánh cấu trúc chọn ngành học của các em sống ở nông thôn với các em sống ở đô thị, hoặc giữa tỉnh này với tỉnh khác. Những so sánh này sẽ cho thấy những khác biệt *theo không gian* giữa các đơn vị phân tích (giữa các cá nhân, hoặc giữa các tỉnh, hoặc giữa thành thị và nông thôn v.v...). Tính chất thời điểm của các nghiên cứu theo không gian phụ thuộc vào đề tài nghiên cứu và có thể dao động trong khoảng từ vài phút (cũng được coi là "một thời điểm" trong một số nghiên cứu trắc nghiệm tâm lý học) đến vài năm (cũng được coi là "một thời điểm" trong các nghiên cứu so sánh giữa các quốc gia). Vì tính đặc thù của thông tin, những nghiên cứu theo không gian không thể cho ta được ý niệm gì về những biến đổi của con người, hay của một nhóm người theo thời gian.

Khác với nghiên cứu theo không gian, nghiên cứu lịch đại có những đòi hỏi đặc thù cả về phương pháp thu thập thông tin lẫn phương pháp phân tích. Trên những nét chung nhất, có ba đòi hỏi chủ yếu là: (1) mỗi một đơn vị thông tin cần phải được thu thập cho hai thời điểm trở lên; (2) các khách thể được nghiên cứu tại mỗi một thời điểm của nghiên cứu lịch đại cũng phải đồng thời là các khách thể được nghiên cứu tại các thời điểm khác của nghiên cứu lịch đại đó (hoặc ít ra thì các khách thể của hai thời điểm khác nhau mà ta quan tâm trong một nghiên cứu lịch đại cần phải "tương thích" với nhau để có thể có những so sánh theo thời gian có ý nghĩa); và (3) sự phân tích nhất thiết phải bao gồm một số so sánh giữa các thời điểm mà tại đó ta có thông tin về khách thể được nghiên cứu. Đòi hỏi thứ nhất và thứ ba tương đối dễ thấy từ yêu cầu nghiên cứu những biến đổi theo thời gian như tên gọi của kiểu nghiên cứu này gợi nên. Đòi hỏi thứ hai có tính chất bắt buộc để đảm bảo cho việc so sánh giữa các thời điểm khác nhau có ý nghĩa.

Để đỡ sa đà vào các thuật ngữ rắc rối có thể làm lạc hướng những điểm chủ chốt nhất mà chúng tôi muốn trình bày, dưới đây chúng tôi sẽ chủ yếu chỉ hạn chế việc thảo luận ở những nghiên cứu theo thời gian bằng phương pháp điều tra chọn mẫu với các bảng hỏi tiêu chuẩn dành cho cá nhân và hộ gia đình (đơn vị cho việc thu thập thông tin là những người được hỏi trong các cuộc điều tra chọn mẫu xã hội học).

Trong cách hiểu rộng về nghiên cứu lịch đại như nêu ở trên, chúng ta không thấy có yêu cầu về số lần thu thập thông tin mà chỉ có yêu cầu về việc phải có thông tin về một đặc tính nào đó của người được hỏi tại ít nhất hai thời điểm khác nhau trong cuộc đời của người được hỏi. Ở đây, chúng ta lưu ý là thời điểm thu thập thông tin và thời điểm mà các thông tin đó áp dụng cho người được hỏi có thể khác nhau. Ví dụ, chúng ta có thể hỏi anh A vào năm 1996 về trình độ học vấn của anh ấy vào năm 1990 và vào năm 1985. Như vậy chúng ta chỉ hỏi có một lần, nhưng có thông tin về anh A tại hai thời điểm khác nhau. Theo ý nghĩa rộng này, nhiều nghiên cứu có thể được liệt vào nghiên cứu lịch đại

Nhìn chung, có ba loại nghiên cứu những biến đổi theo thời gian thường được sử dụng trong xã hội học. Dạng thuần túy nhất là những nghiên cứu lịch đại theo cùng nhịp thời gian¹. Ở dạng nghiên

¹. Tiếng Anh là *prospective longitudinal research*.

cứu này, cũng những người được hỏi trong lần phỏng vấn đầu tiên được phỏng vấn lại định kỳ sau những khoảng thời gian nhất định về cùng những khía cạnh của cuộc sống đã được phỏng vấn trong lần đầu. Những thông tin thu thập được trong mỗi đợt phỏng vấn thường là những thông tin thích hợp với hoàn cảnh của người được hỏi vào thời điểm phỏng vấn và có thể không giống với cùng như thông tin loại đó áp dụng cho cùng người được hỏi trong những khoảng thời gian trước và sau lần phỏng vấn đó. Những thông tin thu thập được, sau đó, sẽ được đối chiếu và so sánh giữa các thời điểm phỏng vấn khác nhau để phục vụ cho việc phân tích những biến đổi theo thời gian. Vì nhiệm vụ phải tìm lại bằng được chính những người được hỏi của lần phỏng vấn đầu tiên để phỏng vấn trong những lần tiếp sau, nên việc nắm chắc địa chỉ của người được hỏi có tầm quan trọng đặc biệt. Thông thường người ta lưu giữ địa chỉ của người được hỏi và địa chỉ của một hoặc hai người thân của người được hỏi để trong trường hợp người được hỏi chuyển chỗ ở giữa hai kỳ phỏng vấn thì vẫn có thể tìm được họ bằng cách hỏi thân nhân họ. Trong mọi trường hợp, việc không tìm lại được một số người được hỏi là điều không thể tránh được trong những cuộc nghiên cứu kéo dài nhiều năm (vì người được hỏi có thể chết, hoặc di chuyển không để lại thông tin gì). Nghiên cứu lịch đại theo nhịp thời gian là dạng nghiên cứu lịch đại mở ra nhiều khả năng phân tích nhất. Nó cho phép theo dõi những biến đổi có tính phát triển trong mỗi cá nhân theo thời gian, cũng như những biến đổi của mối quan hệ giữa người này với người khác theo thời gian. Ở cấp độ tổng hợp, nghiên cứu lịch đại theo nhịp thời gian cho phép tách các tác động có tính thời điểm khỏi các tác động là thuộc tính của các lớp thế hệ. Nhược điểm lớn nhất của nghiên cứu lịch đại kiểu này là sự tốn kém về sức lực, kinh phí nghiên cứu, và thời gian. Cuộc Nghiên cứu Lịch đại Việt Nam 1995 do Viện Xã hội học chủ trì là một thú vị về kiểu nghiên cứu lịch đại này. Năm 1995 nhóm đề tài đã triển khai cuộc nghiên cứu cơ sở tại 10 xã thuộc các tỉnh Nam Hà và Ninh Bình, phỏng vấn 1855 hộ gia đình và 4464 cá nhân. Theo thiết kế nghiên cứu, hàng năm nhóm đề tài sẽ thực hiện phỏng vấn cùng những hộ gia đình và cá nhân trong mẫu về cùng những vật đề nghiên cứu đã làm năm 1995, và cuộc nghiên cứu sẽ chấm dứt phỏng vấn vào năm 2000. Đây là cuộc nghiên cứu lịch đại theo cùng nhịp thời gian về xã hội học đầu tiên được thực hiện ở Việt Nam.

Dạng nghiên cứu lịch đại thứ hai là dạng nghiên cứu lịch đại hồi cố¹. Ở dạng nghiên cứu lịch đại kiểu này người ta chỉ thu thập thông tin tại một thời điểm, nhưng những thông tin được thu thập là những thông tin áp dụng cho hoàn cảnh của người được hỏi trong những thời kỳ khác nhau trong quá khứ và thường bao gồm cả những thông tin về tình trạng của người được hỏi vào thời điểm phỏng vấn. Yêu cầu tối thiểu của việc lấy thông tin trong những nghiên cứu kiểu này là phải thu thập cùng một loại thông tin áp dụng cho ít nhất hai thời điểm khác nhau trong quá khứ của người được hỏi. Nghiên cứu lịch đại hồi cố phụ thuộc nhiều vào khả năng nhớ lại các sự kiện của người được hỏi. Thời gian càng dài trong quá khứ thì độ tin cậy của thông tin nhớ được càng kém. Đồng thời, khả năng của một người nhớ được những thông tin có tính chất khác nhau cũng khác nhau, những thông tin về hành vi (như sinh đẻ, tử vong, lấy vợ lấy chồng, di dân...) thường dễ nhớ hơn những thông tin về thái độ (thích hay không thích có con, hoặc ủng hộ hay không ủng hộ kế hoạch hóa gia đình v.v... vào một thời điểm nào đó trong quá khứ). Chính vì những đặc điểm này, nghiên cứu lịch đại hồi cố đòi hỏi những kỹ thuật lấy thông tin và phân tích thông tin có hơi khác với nghiên cứu lịch đại theo nhịp thời gian. Khi hỏi về các sự kiện trong quá khứ thì điều cần thiết là phải nắm chắc bối cảnh lịch sử của thời kỳ có sự kiện đó và phải dùng nhiều câu hỏi kiểm tra hơn để giúp người được hỏi nhớ chính xác về sự kiện mà ta quan tâm. Chẳng hạn, nếu ta hỏi một người về học vấn của người đó và được câu trả lời lẽ người đó học hết lớp 7, thì cần phải hỏi tiếp xem đó là lớp 7 trước hay sau cải cách giáo dục (vào đầu những năm 80). Điều này là không cần thiết nếu ta hỏi về tình trạng học vấn hiện nay. Trong phân

¹. Tiếng Anh là *retrospective longitudinal research*

tích số liệu cũng có những khác biệt nhất định. Một vấn đề nữa của nghiên cứu lịch đại hồi cố là mẫu chọn có thể là mẫu đại diện vào thời điểm phỏng vấn nhưng chưa chắc đã là mẫu đại diện cho một thời điểm nào đó trong quá khứ vì có thể có một bộ phận dân cư mà ta quan tâm đã chết trước ngày phỏng vấn và do đó không có cơ hội rơi vào mẫu để trả lời các câu hỏi của cuộc nghiên cứu (nếu cuộc nghiên cứu được tiến hành vào thời điểm ta quan tâm trong quá khứ thì những người này rất có thể đã nằm trong mẫu của chúng ta). Điều này có thể làm cho các kết luận của nghiên cứu hồi cố không chính xác. Ưu điểm của dạng nghiên cứu này là nó cho phép có những phân tích về động thái của các quan hệ xã hội mà vẫn không tốn kém hơn những nghiên cứu theo không gian thông thường. Chính vì thế, dạng nghiên cứu này khá phổ biến. Nhiều cuộc nghiên cứu xã hội học trong nước có thể được liệt vào dạng nghiên cứu này (mặc dù người ta không dùng tên gọi như nêu lên ở đây). Cuộc nghiên cứu Lịch sử Cuộc sống Việt nam 1991, do Viện Xã hội học thực hiện¹ có thể xem như một ví dụ về kiểu nghiên cứu lịch đại này. Trong cuộc nghiên cứu này, những thông tin cơ bản về người được hỏi như sinh chết, di dân, hôn nhân, sinh đẻ con cái, nghề nghiệp và thay đổi nghề nghiệp v.v... được thu thập dựa trên một ma trận (matrix) về lịch sử cuộc sống cho từng năm một kể từ khi người được hỏi ra đời cho đến thời điểm phỏng vấn.

Dạng nghiên cứu biến đổi theo thời gian thứ ba là dạng nghiên cứu mà trong đó người ta thu thập thông tin tại ít nhất hai thời điểm khác nhau, về cùng những chỉ báo và biến số xã hội như nhau, nhưng những người được hỏi trong lần thu thập thông tin sau có thể không phải là những người đã được phỏng vấn trong lần thu thập thông tin trước đó. Dạng nghiên cứu này được gọi là những nghiên cứu lặp lại theo không gian². Trong dạng nghiên cứu này, số liệu của mỗi lần thu thập số liệu có thể được coi như số liệu của một nghiên cứu theo không gian độc lập. Nhưng vì người được hỏi cho các lần thu thập số liệu khác nhau, tuy không phải cùng một nhóm, được chọn theo những chỉ tiêu "tương thích" cho phép có sự so sánh có ý nghĩa giữa các thời điểm, cho nên chúng ta vẫn có thể có những phân tích về sự biến đổi theo thời gian ở đây mẫu "tương thích" có nghĩa là người được hỏi trong hai lần thu thập thông tin khác nhau phải đảm bảo tính đại diện như nhau cho diện dân số mà chúng ta quan tâm trong một đề tài nghiên cứu cụ thể. Một cách chọn mẫu như vậy là cách chọn mẫu xác suất ngẫu nhiên từ cùng một diện dân số. Nghiên cứu kiểu này cũng có những ưu điểm như nghiên cứu lịch đại theo thời gian, ngoại trừ việc nó không cho phép phân tích những biến đổi có tính phát triển trong mỗi cá nhân (vì người được hỏi tại hai thời điểm phỏng vấn khác nhau). Cuộc nghiên cứu lặp lại về dân số và kế hoạch hóa gia đình do Phòng Xã hội học Dân số và Gia đình của Viện Xã hội học tiến hành tại xã Quyết Tiến, Thái Bình, năm 1984 và 1994 là một ví dụ về nghiên cứu lặp lại kiểu này³.

Tùy theo những yêu cầu nghiên cứu cụ thể của từng đề tài, một thiết kế nghiên cứu có thể kết hợp các đặc điểm của ba dạng nghiên cứu theo thời gian kể trên. Ví dụ của sự kết hợp giữa nghiên cứu lịch đại theo nhịp thời gian và nghiên cứu lặp lại theo không gian là các tổng điều tra dân số định kỳ. Ở nhiều nước trên thế giới, tổng điều tra dân số được thực hiện định kỳ (cứ 5 năm hoặc 10 năm một lần), với một số câu hỏi cơ bản cố định trong một thời gian dài. Trong những cuộc tổng điều tra dân số, toàn bộ những hộ gia đình đã được hỏi ở lần trước và vẫn còn tồn tại cho đến lần hỏi sau lại được hỏi lại ở lần sau, và những hộ mới nảy sinh giữa hai kỳ tổng điều tra dân số cũng được thêm vào diện những hộ gia đình được phỏng vấn. Những thông tin thu được vừa có tính "theo nhịp thời gian", vừa có tính "lặp lại theo không gian" (vì có những hộ mới trong mẫu). Cũng có nhiều nghiên cứu điều tra

¹. Xem thêm bài viết của Charles Hirschman và Vũ Mạnh Lợi "Gia đình và cơ cấu hộ gia đình Việt Nam vài nét đại cương từ một cuộc khảo sát xã hội học dân số gần đây", đăng trong Tạp chí Xã hội học, số 3 (47), 1994.

². Tiếng Anh là repeated cross-sectional research.

³ Xem thêm các bài viết của Phạm Bích San và của Nguyễn Lan Phương trong Tạp chí *Xã hội học* số 2 (50). 1995.

chọn mẫu được thiết kế theo kiểu này. Thiết kế nghiên cứu kết hợp dạng lịch đại theo nhịp thời gian và dạng lặp lại đặc biệt thích hợp với việc nghiên cứu những nhóm tuổi nhất định như nghiên cứu về người già hay trẻ em vị thành niên. Đối với những người trong các độ tuổi đặc thù này, sau một thời gian theo dõi, ta có thể thấy một số người được hỏi trong mẫu chọn lọc đầu có thể đã chết (trong trường hợp người già), hoặc đã vượt ra ngoài khoảng tuổi mà ta quan tâm (trong trường hợp trẻ vị thành niên), và do đó có thể làm cho cỡ mẫu nhỏ tới mức khó có thể có những khái quát đáng tin cậy. Trong trường hợp đó, việc tuyển thêm người được hỏi mới cho những đợt nghiên cứu sau này sẽ giúp giải quyết vấn đề cỡ mẫu và vẫn cho phép có những đánh giá về sự thay đổi theo thời gian ở mức độ tổng hợp. Lại cũng có những nghiên cứu kết hợp các đặc điểm hồi cố với các đặc điểm theo nhịp thời gian, hoặc lặp lại. Cuộc nghiên cứu Lịch đại Việt nam 1995 nêu ở phần trước có thể là một ví dụ. Trong cuộc nghiên cứu này cũng có nhiều câu hỏi hồi cố về đặc trưng của người được hỏi tại các thời điểm khác nhau trong quá khứ. Sự kết hợp này cho phép mở rộng khoảng thời gian mà các sự kiện được theo dõi. Trên thế giới, nhiều nhà khoa học chỉ thừa nhận những nghiên cứu theo nhịp thời gian là những nghiên cứu lịch đại thực sự. Tuy nhiên, về điểm này vẫn còn có nhiều ý kiến chưa thống nhất. Điều quan trọng chúng tôi muốn đề cập ở đây là những dạng nghiên cứu cho phép có những khái quát hóa có cơ sở khoa học về những biến đổi xã hội theo thời gian. Bởi vì, xét cho cùng thì ý tưởng về nghiên cứu lịch đại nảy sinh trên cơ sở nhu cầu nghiên cứu những biến đổi theo thời gian

Nghiên cứu lịch đại là công cụ mạnh nhằm giải quyết hai vấn đề cơ bản về mặt phương pháp trong nghiên cứu khoa học xã hội là (1) chúng giúp cho việc mô tả các khuôn mẫu của sự *biến đổi theo thời gian*; và (2) chúng giúp cho việc khái quát hóa về *hướng và mức độ của quan hệ nhân quả* giữa các biến số xã hội học. Trong nhiều công trình nghiên cứu công bố rải rác trong các sách báo chuyên ngành, nhiều tác giả cũng đưa ra những kết luận về biến đổi xã hội theo thời gian dựa trên sự so sánh kết quả của các cuộc nghiên cứu theo không gian được thực hiện độc lập tại hai hoặc nhiều thời điểm khác nhau và trong nhiều trường hợp những cuộc nghiên cứu này được thực hiện tại các vùng địa lý khác nhau. Thậm chí có người còn khái quát hóa về biến đổi xã hội ngay cả khi chỉ dựa vào số liệu tại một thời điểm (trong trường hợp này, những cái "ngày xưa" được ngầm giả định là "khác" ngày nay). Theo ý chúng tôi, những kết luận kiểu này mang nặng tính tư biện và cùng lắm chỉ có giá trị gợi ra những giả thuyết cho các cuộc nghiên cứu được thiết kế cẩn thận hơn sau này. Lý do của sự hoài nghi về tính có hiệu lực của các kết luận kiểu này nằm ở thực chất của quan niệm biến đổi xã hội và việc lấy thông tin định lượng mô tả những biến đổi đó. Ở đây chúng tôi không có ý định bàn sâu về khái niệm biến đổi xã hội mà chỉ muốn nói lên một khía cạnh quan trọng của nó có liên quan đến mục đích của nghiên cứu lịch đại. Đó là chiều cạnh thời gian, là yếu tố không thể thiếu được, của mọi loại biến đổi xã hội. Ở cấp độ cá nhân, quan niệm về biến đổi xã hội còn ràng buộc các cuộc nghiên cứu lịch đại rằng tình trạng xã hội của con người ở thời điểm thu thập thông tin sau và thời điểm thu thập thông tin trước đó phải do *cùng một người được hỏi* trải qua, hoặc phải do những cá nhân có những đặc trưng tương thích để đảm bảo cho sự so sánh có ý nghĩa. Chẳng hạn, nếu vào năm 1990 chúng ta thấy một chị nông dân 35 tuổi sống ở một vùng nông thôn có thu nhập là 1 triệu đồng một năm, và vào năm 1995 ta thấy một chị 40 tuổi sinh ra và lớn lên ở Hà Nội và chưa từng bao giờ làm ruộng có thu nhập 10 triệu đồng một năm, thì việc biết được những điều này không nói lên được sự thay đổi theo thời gian nào, cả với chị nông dân lẫn chị sống ở Hà Nội. Nhưng nếu ta thấy cũng vẫn chị nông dân đó vào năm 1995 có thu nhập 10 triệu đồng một năm thì ta có thể nói rằng mức thu nhập bằng tiền của chị đã tăng 10 lần trong khoảng từ 1990 đến 1995 (với giả định không có lạm phát).

Vấn đề quan hệ nhân quả giữa các biến số xã hội học còn phức tạp hơn nữa: Khi ta thấy biến số A có giá trị cao thì biến số B cũng có giá trị cao (hoặc thấp), và khi biến số A có giá trị

thấp thì biến số B cũng có giá trị thấp (hoặc cao), thì từ đó ta vẫn chưa thể nói được rằng A gây ra B hay, ngược lại, B gây ra A. Việc hai biến số có mối tương quan thống kê thuận (hoặc nghịch) chỉ là điều tối thiểu để chúng ta nghi ngờ rằng giữa hai biến số *có thể* có quan hệ nhân quả. Nhìn chung, để khẳng định rằng A gây ra B ta cần phải chỉ ra bằng chứng của ba điều kiện sau đây: (1) giữa hai biến số có mối tương quan đồng biến hoặc nghịch biến; (2) mối tương quan giữa hai biến số không có liên quan gì đến các biến số khác (nghĩa là không có biến số thứ ba nào có khả năng gây ra cả A lẫn B); và (3) sự thay đổi trong A phải xảy ra trước, hoặc cùng lắm là cùng một lúc, với sự thay đổi trong B. Để kiểm chứng điều kiện (1) và (2) ta có thể dùng các số liệu của một cuộc điều tra chọn mẫu theo không gian với những kỹ thuật thống kê thích hợp. Trong một số ít trường hợp, các số liệu của một nghiên cứu theo không gian cũng có thể đáp ứng được điều kiện thứ ba, đặc biệt khi những biến số mà ta giả định là tác nhân gây ra B (trong thí dụ ở đây là biến số A) là những biến số có tính sinh học hay di truyền như giới tính hay sắc tộc. Giới tính hay sắc tộc là những biến số xuất hiện cùng với sự ra đời của người được hỏi và vì thế luôn được coi là có trước các hành vi của người được hỏi trong suốt thời gian từ khi sinh ra đến thời điểm phỏng vấn. Tuy nhiên, việc kiểm chứng điều kiện thứ ba trong phần lớn các trường hợp chỉ có thể làm được với các số liệu của một nghiên cứu lịch đại. Điều này đặc biệt đúng khi có tác động phản hồi từ B đến A như lý thuyết kinh điển của Malthus về mối quan hệ giữa cung cấp lương thực và mức sinh (mức cung cấp lương thực tăng dẫn đến mức sinh tăng, mức sinh tăng đến lượt mình lại gây ra việc giảm mức cung cấp lương thực v.v...). Điều chúng ta cũng nên lưu ý ở đây là trên thực tế rất khó có khả năng thu thập thông tin về tất cả các biến số có khả năng có quan hệ nhân quả (hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp) với cả A và B vì số lượng các biến số đó trong cuộc sống muôn màu muôn vẻ quá nhiều. Vì thế rất khó có thể đảm bảo được việc kiểm chứng điều kiện thứ hai bằng các số liệu thực tế vốn có giới hạn. Do đó, ngay cả khi cả ba điều kiện về quan hệ nhân quả nêu trên được đáp ứng đối với một bộ các biến số của một nghiên cứu cụ thể (thường chỉ bao gồm khoảng vài chục biến số quan trọng về mặt lý thuyết), thì ta cũng chỉ có thể khẳng định được rằng B không thể gây ra A được, còn vấn đề liệu A có gây ra B không vẫn còn là một giả thuyết cần phải tiếp tục kiểm nghiệm. Đây cũng là điều chung cho các phương pháp phân tích thống kê mà trong đó ta chỉ có thể khẳng định rằng với những bằng chứng đã có thì không có cơ sở để khẳng định rằng giả thuyết của ta là sai, chứ không thể khẳng định được rằng giả thuyết của ta là đúng.

Đi sâu vào những vấn đề lý luận và kỹ thuật của nghiên cứu lịch đại có lẽ vượt ra ngoài khuôn khổ của bài giới thiệu nhỏ này. Do đó, để kết luận chúng tôi xin tóm tắt thấy điểm chính sau đây:

+ Nghiên cứu lịch đại là công cụ hữu hiệu nhất trong việc nghiên cứu các quá trình xã hội động như các khuôn mẫu và quan hệ phát triển theo thời gian trong mỗi cá nhân, những biến đổi xã hội dưới tác động của điều kiện sống trong những thời kỳ lịch sử nhất định, hoặc của những lớp thế hệ nhất định, v.v... Nghiên cứu lịch đại đặc biệt lợi hại trong việc khái quát hóa các quan hệ nhân quả trong xã hội học.

+ Nghiên cứu lịch đại, bên cạnh những nét đặc thù của mình, cũng có những vấn đề về thu thập thông tin, chọn mẫu, thiết kế bảng hỏi v.v... như những nghiên cứu theo không gian thông thường khác.

+ Nghiên cứu lịch đại khá tốn kém, do đó khi vấn đề nghiên cứu cụ thể có thể được giải quyết bằng một nghiên cứu theo không gian thì đó là cách tốt nhất. Nhưng trong nhiều trường hợp nghiên cứu các biến đổi xã hội theo thời gian, nghiên cứu lịch đại là không tránh khỏi. Nghiên cứu hồi cố, tuy có những hạn chế về mẫu và khả năng nhớ của người được hỏi, có lợi thế hơn nghiên cứu theo nhịp thời gian về hiệu quả kinh tế.